

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

PHIẾU ĐIỀU TRA KHẢO SÁT BỔ SUNG
Dự án “Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (Giai đoạn I)”
(Điều tra khảo sát tại các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT)

1. Đơn vị được khảo sát

Cục Địa chất Việt Nam

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại:**Số Fax**.....

4. Các cán bộ cung cấp thông tin khảo sát:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Bộ phận | Liên hệ (Email, điện thoại) |
|-----|-----------|---------|---------|-----------------------------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |

5. Các cán bộ đi khảo sát:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Bộ phận | Liên hệ (Email, điện thoại) |
|-----|-----------|---------|---------|-----------------------------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |

NỘI DUNG KHẢO SÁT

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Phiếu Điều tra khảo sát bổ sung)

Cán bộ thực hiện khảo sát
(ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ đơn vị được khảo sát
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện
Tổ chức, đơn vị thực hiện khảo sát

Đại diện
Tổ chức, đơn vị được khảo sát

I. Các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật

I.1. Về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu, mô hình cơ sở dữ liệu

a) Hiện nay, Quý đơn vị có áp dụng các văn bản quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật liên quan về các bộ dữ liệu, chuẩn dữ liệu/cơ sở dữ liệu/về mô hình cấu trúc và nội dung cơ sở dữ liệu trong hoạt động xây dựng, vận hành, cập nhật, quản lý, cung cấp, sử dụng cơ sở dữ liệu địa chất/địa chất khoáng sản

Có Không

- Nếu “Có”, đề nghị Quý đơn vị liệt kê cung cấp thông tin văn bản, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật, cụ thể như sau:

| STT | Tên, số, ngày tháng năm, cơ quan ban hành | Mô tả (phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng) |
|-----|--|--|
| 1. | Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1: 50.000 phần đất liền, mã số QCVN 49: 2012/BTNMT. |
| 2. | Thông tư số 16/2020/TT-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường | Quy định kỹ thuật về công tác khai đào công trình và lấy mẫu địa chất, khoáng sản tại công trình khai đào. |
| 3. | Thông tư số 26/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường | Quy định định về thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. |
| 4. | ... | |

- Nếu “Không”, đề nghị Quý đơn vị cung cấp tài liệu thiết kế cơ sở dữ liệu (hoặc file XML) của các hệ thống cơ sở dữ liệu địa chất/địa chất khoáng sản do Quý đơn vị đã và đang xây dựng, vận hành.

b) Đề nghị Quý đơn vị đề xuất xây dựng (hoặc sửa đổi, bổ sung), hoàn thiện văn bản quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật về mô hình cấu trúc và nội dung cơ sở dữ liệu địa chất đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, thống nhất cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản từ trung ương đến địa phương, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan, của các bộ, ngành, địa phương phục vụ thiết lập nền tảng tài nguyên số, thực hiện chuyên đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả phục vụ công tác quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và nhu cầu khai thác sử dụng dữ liệu về địa chất, khoáng sản

(i) Căn cứ đề xuất:

(Liệt kê các văn bản quy phạm pháp luật, quy định chuyên ngành liên quan:

- Luật Khoáng sản năm 2010; Dự thảo Luật Khoáng sản sửa đổi;

- Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

- Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1: 50.000 phân đất liền, mã số QCVN 49: 2012/BTNMT.

- Thông tư số 16/2020/TT-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về công tác khai đào công trình và lấy mẫu địa chất, khoáng sản tại công trình khai đào.

- Thông tư số 26/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định định về thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.

- Thông tư số 73/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 20/2018/TT-BTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 29/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- ...)

(ii) Nội dung đề xuất:

| STT | Nhóm dữ liệu | Danh mục dữ liệu | Mô tả thông tin dữ liệu | Ghi chú |
|-----------|--|------------------------------|-------------------------|---------|
| I | Nhóm dữ liệu về tài liệu thực tế/nguyên thủy địa chất | | | |
| 1. | | Điểm khảo sát, lấy mẫu | | |
| 2. | | Khu vực/điểm khai, khoan đào | | |
| 3. | | Khu vực điều tra, thăm dò | | |
| 4. | | Điểm đo địa vật lý | | |
| 5. | | Ký hiệu hóa thạch | | |
| 6. | | Mẫu phân tích | | |
| 7. | | Địa chất thủy văn | | |
| 8. | | Địa chất công trình | | |
| II | Nhóm dữ liệu về phân vị địa chất/thành tạo địa chất | | | |

| | | | | |
|------------|--|---|--|--|
| 9. | | <i>Tuổi địa chất các phân vị địa chất</i> | | |
| 10. | | <i>Đá xâm nhập và núi lửa không phân tầng</i> | | |
| 11. | | <i>Đá phun trào Neogen và Đệ tứ</i> | | |
| 12. | | <i>Ký hiệu phân vị địa chất</i> | | |
| III | <i>Nhóm dữ liệu về ranh giới địa chất và yếu tố cấu trúc địa chất</i> | | | |
| 13. | | <i>Ranh giới địa chất</i> | | |
| 14. | | <i>Các yếu tố cấu tạo mặt và đường</i> | | |
| 15. | | <i>Đứt gãy địa chất</i> | | |
| IV | <i>Nhóm dữ liệu về các loại đá</i> | | | |
| 16. | | <i>Đá trầm tích</i> | | |
| 17. | | <i>Đá nguồn núi lửa</i> | | |
| 18. | | <i>Đá xâm nhập</i> | | |
| 19. | | <i>Đá biến chất</i> | | |
| 20. | | <i>Đá nguồn gốc kiến tạo</i> | | |
| 21. | | <i>Đới xáo trộn</i> | | |
| V | <i>Dữ liệu về vỏ phong hóa</i> | | | |
| VI | <i>Nhóm dữ liệu về địa hình thành tạo do nội sinh</i> | | | |
| VI.1 | <i>Nhóm dữ liệu về địa hình do kiến tạo và kiến trúc bóc mòn</i> | | | |
| 22. | | <i>Vách kiến tạo</i> | | |
| 23. | | <i>Dãy núi đơn nghiêng</i> | | |
| 24. | | ... | | |
| 25. | | ... | | |
| VI.2 | <i>Nhóm dữ liệu về địa hình núi lửa</i> | | | |
| 26. | | <i>Miệng núi lửa đã tắt có địa hình dương</i> | | |
| 27. | | <i>Miệng núi lửa đã tắt có địa hình âm</i> | | |
| VII | <i>Nhóm dữ liệu về địa hình thành tạo do ngoại sinh</i> | | | |
| VII.1 | <i>Nhóm dữ liệu về các bề mặt bóc mòn</i> | | | |

| | | | | |
|-------|---|-----|--|--|
| 28. | | ... | | |
| 29. | | ... | | |
| 30. | | ... | | |
| 31. | | ... | | |
| 32. | | ... | | |
| VII.2 | <i>Nhóm dữ liệu về các bề mặt tích tụ</i> | | | |
| 33. | | ... | | |
| 34. | | ... | | |
| 35. | | ... | | |
| 36. | | ... | | |
| VII.3 | <i>Nhóm dữ liệu về các dạng địa hình do dòng chảy</i> | | | |
| 37. | | ... | | |
| 38. | | ... | | |
| 39. | | ... | | |
| 40. | | ... | | |
| 41. | | ... | | |
| 42. | | ... | | |
| 43. | | ... | | |
| 44. | | ... | | |
| 45. | | ... | | |
| 46. | | ... | | |
| 47. | | ... | | |
| 48. | | ... | | |
| VII.4 | <i>Nhóm dữ liệu về địa hình bóc mòn</i> | | | |
| 49. | | ... | | |
| 50. | | ... | | |
| 51. | | ... | | |
| VII.5 | <i>Nhóm dữ liệu về karst và sỏi ngầm</i> | | | |
| 52. | | ... | | |
| 53. | | ... | | |
| 54. | | ... | | |

| | | | |
|-------------|--|------------------------------|--|
| VII.6 | <i>Nhóm dữ liệu về địa hình do hoạt động của nước biển</i> | | |
| 55. | | ... | |
| 56. | | ... | |
| 57. | | ... | |
| 58. | | ... | |
| 59. | | ... | |
| VII.7 | <i>Nhóm dữ liệu về địa hình do sinh vật</i> | | |
| 60. | | ... | |
| 61. | | ... | |
| 62. | | ... | |
| 63. | | ... | |
| VII.8 | <i>Nhóm dữ liệu về địa hình nhân sinh</i> | | |
| 64. | | ... | |
| 65. | | ... | |
| 66. | | ... | |
| 67. | | ... | |
| 68. | | ... | |
| VII.9 | | ... | |
| VIII | <i>Nhóm dữ liệu về tai biến địa chất, môi trường địa chất</i> | | |
| VIII.1 | <i>Nhóm dữ liệu về tai biến do nguyên nhân nội sinh</i> | | |
| 69. | | <i>Động đất</i> | |
| 70. | | <i>Núi lửa</i> | |
| 71. | | <i>Nứt đất</i> | |
| VIII.2 | <i>Nhóm dữ liệu về tai biến do nguyên nhân ngoại sinh</i> | | |
| 72. | | <i>Lũ quét, lũ ống</i> | |
| 73. | | <i>Trượt lở đất đá</i> | |
| 74. | | <i>Sụt lún đất đá</i> | |
| 75. | | <i>Cát di chuyển</i> | |
| VIII.3 | <i>Nhóm dữ liệu về ô nhiễm địa chất</i> | | |
| 76. | | <i>Ô nhiễm nước dưới đất</i> | |
| 77. | | <i>Ô nhiễm bức xạ</i> | |

| | | | | |
|-----------|---|---|--|--|
| | | <i>phong xạ tự nhiên, dị thường</i> | | |
| 78. | | <i>Ô nhiễm môi trường địa hóa</i> | | |
| 79. | | <i>Vùng có nguồn nước dưới đất bị ô nhiễm bởi các hoạt động nhân sinh</i> | | |
| 80. | | <i>Vùng đất bị ô nhiễm bởi các hoạt động nhân sinh</i> | | |
| IX | <i>Nhóm dữ liệu về địa chất thủy văn</i> | | | |
| IX.1 | <i>Nhóm dữ liệu về tầng và đới chứa nước</i> | | | |
| 81. | | ... | | |
| 82. | | ... | | |
| 83. | | ... | | |
| 84. | | ... | | |
| 85. | | ... | | |
| 86. | | ... | | |
| IX.2 | <i>Dữ liệu vùng có triển vọng địa nhiệt</i> | | | |
| IX.3 | <i>Nhóm dữ liệu về địa chất thủy văn khác</i> | | | |
| 87. | | ... | | |
| 88. | | ... | | |
| 89. | | ... | | |
| 90. | | ... | | |
| 91. | | ... | | |
| 92. | | ... | | |
| 93. | | ... | | |
| 94. | | ... | | |
| 95. | | ... | | |
| 96. | | ... | | |
| X | <i>Nhóm dữ liệu về địa chất công trình</i> | | | |
| 97. | | <i>Phức hệ thạch học trầm tích</i> | | |
| 98. | | <i>Phức hệ thạch học đá</i> | | |

| | | | |
|------------|--------------------------------------|--|--|
| XI | <i>Dữ liệu về di sản địa chất</i> | | |
| XII | <i>Dữ liệu về công viên địa chất</i> | | |
| ... | | | |

1.2. Về danh mục dữ liệu dùng chung thuộc phạm vi quản lý

Hiện nay, Quý đơn vị có văn bản quy định về danh mục/mã dùng chung hoặc hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu quản lý danh mục/mã dùng chung lĩnh vực địa chất/địa chất khoáng sản

Có Không

- Nếu “Có”, đề nghị Quý đơn vị cung cấp thông tin về danh mục/mã dùng chung, cụ thể như sau:

| STT | Tên danh mục/mã dùng chung | Văn bản quy định/ Hệ thống thông tin | Dạng điện tử dùng để quản lý, khai thác nếu có (.doc, .xls...) |
|-----------------|--|---|---|
| <i>I</i> | <i>Theo quy định tại các văn bản</i> | | |
| 1. | <i>Danh mục di sản địa chất</i> | <i>Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT</i> | <i>.doc, .xls...</i> |
| 2. | <i>Danh mục công viên địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 3. | <i>Danh mục loại mẫu vật địa chất</i> | <i>Các Thông tư số: 16/2020/TT-BTNMT; 23/2012/TT-BTNMT.</i> | <i>.doc, .xls...</i> |
| 4. | <i>Danh mục mẫu vật địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 5. | <i>Danh mục loại công trình địa chất</i> | <i>Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT</i> | <i>.doc, .xls...</i> |
| 6. | <i>Danh mục loại đối tượng nghiên cứu địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 7. | <i>Danh mục loại tài liệu nộp lưu trữ địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 8. | <i>Danh mục loại bản đồ địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 9. | <i>Danh mục kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 10. | <i>Danh mục bản đồ địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 11. | <i>Danh mục hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 12. | <i>Danh mục thủ tục hành chính về địa chất</i> | <i>Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT</i> | <i>.doc, .xls...</i> |
| 13. | <i>Danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 14. | <i>Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 15. | <i>Danh mục loại đề án, dự án</i> | <i>Điều 13 Nghị định số</i> | <i>.doc, .xls...</i> |

| | | | |
|-----|--|---|----------------------|
| | <i>(dự án) điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | <i>158/2016/NĐ-CP; Thông tư số 26/2019/TT-BTNMT</i> | |
| 16. | <i>Danh mục loại tài liệu, hồ sơ, bản vẽ, sản phẩm (tài liệu) của dự án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 17. | <i>Danh mục tổ chức tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 18. | <i>Danh mục cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 19. | <i>Danh mục mức độ nghiên cứu địa chất</i> | <i>Thông tư số 42/2016/TT-BTNMT</i> | <i>.doc, .xls...</i> |
| 20. | <i>Danh mục đặc điểm địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 21. | <i>Danh mục mức độ phức tạp của cấu trúc địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 22. | <i>Danh mục các thành tạo địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 23. | <i>Danh mục phương pháp xác định tuổi của thành tạo địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 24. | <i>Danh mục phương pháp đo vẽ điều tra địa chất</i> | <i>Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT</i> | <i>.doc, .xls...</i> |
| 25. | <i>Danh mục ranh giới địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 26. | <i>Danh mục đứt gãy</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 27. | <i>Danh mục nhóm phân vị địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 28. | <i>Danh mục loại phân vị địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 29. | <i>Danh mục phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 30. | <i>Danh mục các phương pháp địa vật lý</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 31. | <i>Danh mục các phương pháp địa hóa</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 32. | <i>Danh mục các loại đá trầm tích</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 33. | <i>Danh mục các loại đá nguồn núi lửa</i> | <i>Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT</i> | <i>.doc, .xls...</i> |
| 34. | <i>Danh mục các loại đá xâm nhập</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 35. | <i>Danh mục loại tai biến địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 36. | <i>Danh mục các dạng tai biến địa chất do nguyên nhân nội</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |

| | | | |
|-----------|--|--|----------------------|
| | <i>sinh</i> | | |
| 37. | <i>Danh mục các dạng tai biến địa chất do nguyên nhân ngoại sinh</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 38. | <i>Danh mục môi trường địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 39. | <i>Danh mục loại địa chất thủy văn</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 40. | <i>Danh mục loại địa chất công trình</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 41. | <i>Danh mục loại dị thường địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 42. | <i>Danh mục loại khoan, khai đào</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 43. | <i>Danh mục các loại đá biến chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 44. | <i>Danh mục mức độ biến chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 45. | <i>Danh mục đới xáo trộn</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 46. | <i>Danh mục các dạng địa hình thành tạo do nội sinh</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 47. | <i>Danh mục các dạng địa hình thành tạo do ngoại sinh</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 48. | <i>Danh mục loại báo cáo địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| 49. | <i>Danh mục các loại tài liệu nguyên thủy trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | <i>Thông tư số 43/2016/TT-BTNMT</i> | <i>.doc, .xls...</i> |
| 50. | <i>Danh mục khu vực nghiên cứu, điều tra địa chất</i> | | <i>.doc, .xls...</i> |
| ... | | | |
| II | <i>Các hệ thống thông tin</i> | | |
| 1. | <i>Danh mục dịch vụ công trực tuyến</i> | <i>Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp Bộ, cấp tỉnh.</i> | |
| 2. | <i>Danh mục thủ tục hành chính</i> | <i>Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.</i> | |
| 3. | <i>Danh mục khu vực quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | <i>Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, quốc gia về địa chất và khoáng sản; Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường</i> | |

| | | | |
|-----|--|--|--|
| ... | | | |
|-----|--|--|--|

Đề nghị Quý đơn vị đề xuất nội dung xây dựng, hoàn thiện quy định danh mục dữ liệu dùng chung thuộc lĩnh vực địa chất/địa chất khoáng sản:

(i) Căn cứ đề xuất:

(*Liệt kê các văn bản quy phạm pháp luật, quy định chuyên ngành hiện hành liên quan:*

- Luật Khoáng sản năm 2010; Dự thảo Luật Khoáng sản sửa đổi;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1: 50.000 phần đất liền, mã số QCVN 49: 2012/BTNMT.
- Thông tư số 16/2020/TT-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về công tác khai đào công trình và lấy mẫu địa chất, khoáng sản tại công trình khai đào.
- Thông tư số 26/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định định về thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.
- Thông tư số 73/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 20/2018/TT-BTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 29/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
-;

(ii) Nội dung đề xuất:

| STT | Danh mục dữ liệu dùng chung | Mô tả nội dung | Ghi chú |
|-----|---|----------------|---------|
| 1. | Danh mục di sản địa chất | | |
| 2. | Danh mục công viên địa chất | | |
| 3. | Danh mục loại mẫu vật địa chất | | |
| 4. | Danh mục mẫu vật địa chất | | |
| 5. | Danh mục loại công trình địa chất | | |
| 6. | Danh mục loại đối tượng nghiên cứu địa chất | | |

| | | | |
|-----|--|--|--|
| 7. | <i>Danh mục loại tài liệu nộp lưu trữ địa chất</i> | | |
| 8. | <i>Danh mục loại bản đồ địa chất</i> | | |
| 9. | <i>Danh mục kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò địa chất</i> | | |
| 10. | <i>Danh mục bản đồ địa chất</i> | | |
| 11. | <i>Danh mục hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực địa chất</i> | | |
| 12. | <i>Danh mục thủ tục hành chính về địa chất</i> | | |
| 13. | <i>Danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về địa chất</i> | | |
| 14. | <i>Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về địa chất</i> | | |
| 15. | <i>Danh mục loại đề án, dự án (dự án) điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | | |
| 16. | <i>Danh mục tổ chức tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | | |
| 17. | <i>Danh mục cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | | |
| 18. | <i>Danh mục mức độ nghiên cứu địa chất</i> | | |
| 19. | <i>Danh mục đặc điểm địa chất</i> | | |
| 20. | <i>Danh mục mức độ phức tạp của cấu trúc địa chất</i> | | |
| 21. | <i>Danh mục các thành tạo địa chất</i> | | |
| 22. | <i>Danh mục phương pháp xác định tuổi của thành tạo địa chất</i> | | |
| 23. | <i>Danh mục phương pháp đo vẽ điều tra địa chất</i> | | |
| 24. | <i>Danh mục ranh giới địa chất</i> | | |
| 25. | <i>Danh mục đứt gãy</i> | | |
| 26. | <i>Danh mục nhóm phân vị địa chất</i> | | |

| | | | |
|-----|--|--|--|
| 27. | <i>Danh mục loại phân vị địa chất</i> | | |
| 28. | <i>Danh mục phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản</i> | | |
| 29. | <i>Danh mục các phương pháp địa vật lý</i> | | |
| 30. | <i>Danh mục các phương pháp địa hóa</i> | | |
| 31. | <i>Danh mục các loại đá trầm tích</i> | | |
| 32. | <i>Danh mục các loại đá nguồn núi lửa</i> | | |
| 33. | <i>Danh mục các loại đá xâm nhập</i> | | |
| 34. | <i>Danh mục loại tai biến địa chất</i> | | |
| 35. | <i>Danh mục các dạng tai biến địa chất do nguyên nhân nội sinh</i> | | |
| 36. | <i>Danh mục các dạng tai biến địa chất do nguyên nhân ngoại sinh</i> | | |
| 37. | <i>Danh mục môi trường địa chất</i> | | |
| 38. | <i>Danh mục loại địa chất thủy văn</i> | | |
| 39. | <i>Danh mục loại địa chất công trình</i> | | |
| 40. | <i>Danh mục loại dị thường địa chất</i> | | |
| 41. | <i>Danh mục loại khoan, khai đào</i> | | |
| 42. | <i>Danh mục các loại đá biến chất</i> | | |
| 43. | <i>Danh mục mức độ biến chất</i> | | |
| 44. | <i>Danh mục đới xáo trộn</i> | | |
| 45. | <i>Danh mục các dạng địa hình thành tạo do nội sinh</i> | | |
| 46. | <i>Danh mục các dạng địa hình thành tạo do ngoại sinh</i> | | |
| 47. | <i>Danh mục loại báo cáo địa chất</i> | | |
| 48. | <i>Danh mục các loại tài liệu nguyên thủy trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | | |
| 49. | <i>Danh mục khu vực nghiên cứu, điều tra cơ bản địa chất</i> | | |

| | | | |
|-----|-----|--|--|
| 50. | ... | | |
|-----|-----|--|--|

1.3. Về danh mục dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước quy định về “Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước: là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ” (tại khoản 4 Điều 3) và “Nguyên tắc cung cấp dữ liệu mở” (tại khoản 1 Điều 17¹) và một số yêu cầu trong việc công bố dữ liệu mở (tại khoản 1, 2 Điều 20²).

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật chuyên ngành liên quan (*liệt kê*):

- Luật Khoáng sản năm 2010; Dự thảo Luật Khoáng sản sửa đổi;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1: 50.000 phần đất liền, mã số QCVN 49: 2012/BTNMT.
- Thông tư số 16/2020/TT-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về công tác khai đào công trình và lấy mẫu địa chất, khoáng sản tại công trình khai đào.
- Thông tư số 26/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định định về thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.
- Thông tư số 73/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường;
- Thông tư số 20/2018/TT-BTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường;

¹ 1. Hoạt động cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước theo các nguyên tắc sau:

- a) Dữ liệu mở phải toàn vẹn và phản ánh đầy đủ nội dung thông tin cơ quan nhà nước cung cấp;
- b) Dữ liệu mở được cung cấp là dữ liệu được cập nhật mới nhất;
- c) Dữ liệu mở phải có khả năng truy cập sử dụng được trên môi trường mạng;
- d) Dữ liệu mở phải đảm bảo khả năng thiết bị số có thể gửi, nhận, lưu trữ và xử lý được;
- đ) Tổ chức, cá nhân được tự do truy cập sử dụng dữ liệu mở, không yêu cầu khai báo định danh khi khai thác, sử dụng dữ liệu mở;
- e) Dữ liệu mở ở định dạng mở;
- g) Sử dụng dữ liệu mở là miễn phí;
- h) Ưu tiên cung cấp dữ liệu mở đối với dữ liệu mà người dân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cao.

² 1. Không tiết lộ thông tin cá nhân; đánh giá và hạn chế nguy cơ, rủi ro tiết lộ thông tin cá nhân khi kết hợp với các thông tin khác.

2. Bảo đảm an toàn, an ninh khi sử dụng dữ liệu mở bao gồm cả rủi ro do dữ liệu mở gây ra hoặc rủi ro khi dữ liệu mở kết hợp với dữ liệu khác gây ra.

- Thông tư số 29/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- ...;

Đề nghị Quý đơn vị đề xuất danh mục dữ liệu mở lĩnh vực địa chất/địa chất khoáng sản:

| STT | Danh mục dữ liệu mở | Nội dung thông tin dữ liệu | Dự kiến thời gian cung cấp | Ghi chú |
|------------|--|--|---|--|
| 1. | Dữ liệu về quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản | Dữ liệu cung cấp thông tin về:... | Sau 30 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt Theo kỳ quy hoạch | Theo Điều 15 Luật Khoáng sản năm 2010, Điều 12 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP |
| 2. | Dữ liệu về các Quyết định phê duyệt kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản | Dữ liệu cung cấp thông tin về:... | | Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT |
| 3. | Dữ liệu về các tài liệu nộp lưu trữ địa chất | Dữ liệu cung cấp thông tin về:... | Sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt | Thông tư số 42/2016/TT-BTNMT |
| 4. | Dữ liệu về các loại tài liệu của dự án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản | Dữ liệu cung cấp thông tin về:... | Hàng năm | |
| 5. | Dữ liệu về các khu vực nghiên cứu, điều tra cơ bản địa chất | Dữ liệu cung cấp thông tin về:... | | |
| 6. | Dữ liệu về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về địa chất | Dữ liệu cung cấp thông tin về: mã, số hiệu và tên QCVN, file chụp văn bản gốc của tiêu chuẩn kỹ thuật, ... | Sau khi quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có hiệu thi thành | |
| 7. | Dữ liệu về tiêu chuẩn kỹ thuật về địa chất | Dữ liệu cung cấp thông tin về: mã, số hiệu và tên TCVN, file chụp văn bản gốc của tiêu chuẩn kỹ thuật, ... | Hàng năm | |
| 8. | Dữ liệu về kết quả xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh | Dữ liệu cung cấp thông tin về:... | Sau khi quyết định có hiệu thi thành | |

| | <i>vực địa chất</i> | | <i>Hàng năm</i> | |
|-----|--|--|-----------------|--|
| 9. | <i>Dữ liệu về các tổ chức tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | <i>Dữ liệu cung cấp thông tin về:...</i> | | |
| 10. | <i>Dữ liệu về các cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | <i>Dữ liệu cung cấp thông tin về:...</i> | | |
| 11. | ... | | | |

I.4. Về danh mục dữ liệu chủ thuộc phạm vi quản lý

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước quy định về “Dữ liệu chủ (master data): là dữ liệu chứa thông tin cơ bản nhất để định danh và mô tả các đối tượng thực thể nghiệp vụ cốt lõi và độc lập” (tại khoản 9 Điều 3) và “... làm cơ sở để tham chiếu, đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, của bộ ngành, địa phương” (tại điểm d khoản 3 Điều 12) đồng thời đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dữ liệu chủ thuộc phạm vi quản lý nhà nước và là nguồn dữ liệu xây dựng, cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về địa chất, khoáng sản;

- Được cập nhật, khai thác và sử dụng trên phạm vi toàn quốc.

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật, quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật chuyên ngành liên quan (*liệt kê*):

- *Luật Khoáng sản năm 2010; Dự thảo Luật Khoáng sản sửa đổi;*

- *Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;*

- *Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*

- *Thông tư số 23/2012/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1: 50.000 phần đất liền, mã số QCVN 49: 2012/BTNMT.*

- *Thông tư số 16/2020/TT-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về công tác khai đào công trình và lấy mẫu địa chất, khoáng sản tại công trình khai đào.*

- *Thông tư số 26/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định định về thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.*

- *Thông tư số 73/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường;*

- *Thông tư số 20/2018/TT-BTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo thống kê ngành tài nguyên và môi trường;*

- Thông tư số 29/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo định kỳ hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- ...;

Đề nghị Quý đơn vị đề xuất danh mục dữ liệu chủ lĩnh vực địa chất/địa chất khoáng sản:

| STT | Danh mục dữ liệu chủ | Nội dung thông tin dữ liệu | Ghi chú |
|------------|--|-----------------------------------|----------------|
| 1. | <i>Dự án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | | |
| 2. | <i>Quyết định phê duyệt kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản</i> | | |
| 3. | <i>Điểm khảo sát</i> | | |
| 4. | <i>Khu vực, điểm khai, khoan đào</i> | | |
| 5. | <i>Khu vực điều tra, thăm dò</i> | | |
| 6. | <i>Điểm đo địa vật lý</i> | | |
| 7. | <i>Phân vị địa chất/thành tạo địa chất</i> | | |
| 8. | <i>Ranh giới địa chất</i> | | |
| 9. | <i>Đứt gãy địa chất</i> | | |
| 10. | <i>Khu vực vỏ phong hóa</i> | | |
| 11. | <i>Khu vực đá trầm tích</i> | | |
| 12. | <i>Khu vực đá nguồn núi lửa</i> | | |
| 13. | <i>Khu vực đá xâm nhập</i> | | |
| 14. | <i>Khu vực đá biến chất</i> | | |
| 15. | <i>Khu vực đá nguồn gốc kiến tạo</i> | | |
| 16. | <i>Khu vực đới xáo trộn</i> | | |
| 17. | <i>Địa hình do kiến tạo và kiến trúc bóc mòn</i> | | |
| 18. | <i>Địa hình núi lửa</i> | | |
| 19. | <i>Khu vực bề mặt bóc mòn</i> | | |
| 20. | <i>Khu vực bề mặt tích tụ</i> | | |
| 21. | <i>Địa hình do dòng chảy</i> | | |
| 22. | <i>Địa hình bóc mòn</i> | | |
| 23. | <i>Khu vực karst và sỏi ngầm</i> | | |

| | | | |
|-----|---|--|--|
| 24. | <i>Địa hình do hoạt động của nước biển</i> | | |
| 25. | <i>Địa hình do sinh vật</i> | | |
| 26. | <i>Khu vực động đất</i> | | |
| 27. | <i>Khu vực núi lửa</i> | | |
| 28. | <i>Khu vực nứt đất</i> | | |
| 29. | <i>Khu vực lũ quét, lũ ống</i> | | |
| 30. | <i>Khu vực trượt lở đất đá</i> | | |
| 31. | <i>Khu vực sụt lún đất đá</i> | | |
| 32. | <i>Khu vực cát di chuyển</i> | | |
| 33. | <i>Khu vực ô nhiễm nước dưới đất</i> | | |
| 34. | <i>Khu vực ô nhiễm bức xạ phóng xạ tự nhiên, dị thường</i> | | |
| 35. | <i>Khu vực ô nhiễm môi trường địa hóa</i> | | |
| 36. | <i>Vùng có nguồn nước dưới đất bị ô nhiễm bởi các hoạt động nhân sinh</i> | | |
| 37. | <i>Vùng đất bị ô nhiễm bởi các hoạt động nhân sinh</i> | | |
| 38. | <i>Tầng và đới chứa nước</i> | | |
| 39. | <i>Ranh giới tầng, đới chứa nước</i> | | |
| 40. | <i>Ranh giới nhiễm mặn</i> | | |
| 41. | <i>Vùng có triển vọng địa nhiệt</i> | | |
| 42. | <i>Phức hệ thạch học trầm tích</i> | | |
| 43. | <i>Phức hệ thạch học đá</i> | | |
| 44. | ... | | |

1.5. Về thu thập, thu nhận, quản lý, công bố, cung cấp, chia sẻ, khai thác sử dụng thông tin dữ liệu

Hiện nay, Quý đơn vị có áp dụng các văn bản quy định, hướng dẫn kỹ thuật trong việc thu thập, thu nhận, quản lý, công bố, cung cấp, chia sẻ, khai thác sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường, dữ liệu địa chất/địa chất khoáng sản

Có Không

- Nếu “Có”, đề nghị Quý đơn vị cung cấp thông tin văn bản quy định, hướng dẫn kỹ thuật liên quan, cụ thể như sau:

| STT | Tên, số, ngày tháng năm, cơ quan ban hành | Mô tả (phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng) |
|-----|---|--|
| 1. | | |
| 2. | | |
| 3. | | |

Đề nghị Quý đơn vị đề xuất những nội dung cần xây dựng, hoàn thiện quy định, hướng dẫn kỹ thuật về thu thập, thu nhận, quản lý, công bố, cung cấp, chia sẻ, khai thác sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường, dữ liệu địa chất/địa chất khoáng sản:

Thu thập, thu nhận, cập nhật, lưu trữ thông tin, dữ liệu (nguyên tắc, yêu cầu thu thập, thu nhận, cập nhật, lưu trữ, sao lưu; thông tin, dữ liệu và tần suất, thời gian thu thập, thu nhận, cập nhật; thời hạn lưu trữ, sao lưu; hình thức/phương thức thu thập, thu nhận, cập nhật, lưu trữ, sao lưu; hạ tầng phục vụ thu thập, thu nhận, cập nhật, lưu trữ, duy trì dữ liệu; kiểm tra, đánh giá việc thu thập, thu nhận, cập nhật, lưu trữ, duy trì dữ liệu; trách nhiệm thu thập, thu nhận, cập nhật, lưu trữ, duy trì dữ liệu; ...);

Kết nối, chia sẻ dữ liệu (nguyên tắc kết nối, chia sẻ dữ liệu; mô hình kết nối, chia sẻ; chuẩn kết nối, chia sẻ dữ liệu; phương thức và các dịch vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu; cấu trúc dữ liệu trao đổi của dữ liệu được chia sẻ; chia sẻ dữ liệu theo hình thức mặc định, chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù; hạ tầng phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu; bảo đảm an toàn thông tin, kiểm tra, giám sát, đánh giá và giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu; quyền và trách nhiệm trong quá trình kết nối, chia sẻ; ...);

Công bố, cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu (nguyên tắc, yêu cầu công bố, cung cấp, khai thác và sử dụng; hình thức/phương thức, cách thức công bố, cung cấp, khai thác và sử dụng; công bố, cung cấp dữ liệu mở; đối tượng, phạm vi khai thác sử dụng; thời hạn khai thác, sử dụng dữ liệu; quyền và trách nhiệm trong công bố, cung cấp, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu; ...);

Nội dung đề xuất khác (nếu có):

1.6. Về quản lý, vận hành, khai thác và bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống cơ sở dữ liệu

Hiện nay, Quý đơn vị có ban hành/áp dụng các văn bản quy định, hướng dẫn kỹ thuật trong việc quản lý, vận hành, khai thác và bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, cơ sở dữ liệu địa chất/địa chất khoáng sản

Có Không

- Nếu “Có”, đề nghị Quý đơn vị cung cấp thông tin văn bản quy định, hướng dẫn kỹ thuật, cụ thể như sau:

| STT | Tên, số, ngày tháng năm, cơ quan ban hành | Mô tả (phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng) |
|-----|---|--|
| 1. | | |

| | | |
|----|--|--|
| 2. | | |
| 3. | | |

Đề nghị Quý đơn vị đề xuất những nội dung cần xây dựng, hoàn thiện quy định, hướng dẫn kỹ thuật về quản lý, vận hành, khai thác và bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, cơ sở dữ liệu địa chất/địa chất khoáng sản:

Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu (nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác; danh mục thông tin, dữ liệu công bố, cung cấp, chia sẻ; danh mục các dịch vụ chia sẻ dữ liệu; đăng ký, cấp phát, xác thực và quản lý tài khoản kết nối, chia sẻ; quy trình chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu, thời hạn sử dụng dữ liệu sau khi khai thác; lưu trữ nhật ký cung cấp, chia sẻ dữ liệu; xử lý sự cố, hỗ trợ kỹ thuật; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; việc duy trì, vận hành, kết nối, chia sẻ; quyền, trách nhiệm và xử lý vi phạm trong quản lý, vận hành, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu; ...);

Bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin (nguyên tắc, yêu cầu bảo mật, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin dữ liệu; bảo đảm an toàn mạng; bảo đảm an toàn máy chủ; bảo đảm an toàn ứng dụng; bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin dữ liệu; xác định cấp độ và phương án bảo đảm an toàn thông tin; giám sát, kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho hệ thống cơ sở dữ liệu; phương án ứng cứu sự cố an toàn thông tin; trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống cơ sở dữ liệu; ...

Nội dung đề xuất khác (nếu có):

II. Về Hệ thống thông tin/Cơ sở dữ liệu

II.1. Hệ thống thông tin đề xuất trong dự án

Tên phần mềm: Phần mềm thu nhận, tích hợp, chia sẻ dữ liệu Địa chất

| Thông tin | Mô tả |
|--------------------------|---|
| Tên phần mềm: | Phần mềm thu nhận, tích hợp, chia sẻ dữ liệu Địa chất |
| Mục tiêu: | Xây dựng hệ thống các ứng dụng nghiệp vụ và CSDL quản lý sản xuất, quản lý nhà nước, quản lý các thông tin về địa chất, địa chất chuyên ngành tại Việt Nam phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Cục Địa chất Việt Nam và các Bộ, ban ngành liên quan khác |
| Các nhóm nghiệp vụ chính | - |
| Đơn vị sử dụng | - |
| Loại dữ liệu đầu vào | - Dữ liệu GIS <input type="checkbox"/> - Dữ liệu có cấu trúc <input type="checkbox"/> - Dữ liệu phi cấu trúc <input type="checkbox"/> - Dữ liệu dạng đặc biệt khác <input type="checkbox"/> (mô tả dạng dữ liệu: ...) |
| Phương thức nhập dữ liệu | - Người dùng nhập trực tiếp - Tích hợp từ các hệ thống khác <input type="checkbox"/> (Nếu có thì bổ sung các thông tin sau: Hệ thống tích hợp, phương thức tích hợp, loại dữ liệu tích |

| | |
|---|--|
| | hợp, các điều kiện tích hợp) |
| Mức độ tăng trưởng của dữ liệu hàng năm | <ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu có cấu trúc: MB - Dữ liệu phi cấu trúc: GB - Dữ liệu dạng đặc biệt khác: GB |
| Số lượng người sử dụng (dự kiến) | <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng người sử dụng trong Bộ TM&MT: - Số lượng người sử dụng ngoài Bộ TN&MT: |
| Chia sẻ dữ liệu với các hệ thống khác | <ul style="list-style-type: none"> - Tên hệ thống: - Phương thức chia sẻ: - Nội dung chia sẻ: |

II.2. CSDL đề xuất trong dự án

| STT | CSDL | Thứ tự ưu tiên | Tần suất cập nhật | Phương thức cập nhật dữ liệu sau khi kết thúc dự án | Mức độ tăng trưởng hàng năm | Đơn vị quản lý, vận hành | Đơn vị khai thác, sử dụng |
|-----|---|----------------|-------------------|---|-----------------------------|--------------------------|---------------------------|
| 1 | Xây dựng CSDL từ điển thuật ngữ dùng chung phục vụ cho công tác chuẩn hoá, xây dựng, cập nhật dữ liệu | | | | | | |
| 2 | Xây dựng CSDL nền địa chất quốc gia, tỷ lệ 1:1.000.000 và 1:500.000 | | | | | | |
| 3 | Xây dựng CSDL công tác thi công công trình (lỗ khoan, hào, giếng, lò) | | | | | | |
| 4 | Xây dựng CSDL Địa vật lý (địa chấn, bay đo, karota) | | | | | | |
| 5 | Xây dựng CSDL nền địa chất tỷ lệ 1:50.000 và các bản đồ chuyên đề (sinh khoáng, địa hóa, địa mạo...) | | | | | | |
| 6 | Chuyên đổi, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa chất tỷ lệ 1:250.000 | | | | | | |
| 7 | Xây dựng CSDL mẫu vật và bảo tàng địa chất | | | | | | |
| 8 | Xây dựng CSDL tai biến địa chất, địa chất môi trường | | | | | | |
| 9 | Xây dựng CSDL di sản địa chất, công viên địa chất | | | | | | |
| 10 | Xây dựng CSDL địa chất công trình – địa chất thuỷ văn | | | | | | |

II.3. Hệ thống thông tin đề xuất đưa lên Trung tâm dữ liệu của Bộ

Bổ sung thêm thông tin sau cho hệ thống thông tin:

+ Số core CPU của hệ thống hiện tại (lấy từ các máy chủ của hệ thống)

+ % CPU sử dụng trung bình hiện tại (ước tính trung bình từ các máy chủ của hệ thống)

+ Dung lượng RAM của hệ thống hiện tại

+ % RAM sử dụng trung bình hiện tại (ước tính trung bình từ các máy chủ của hệ thống)

+ Băng thông internet (ước tính băng thông down/up trong nước, ngoài nước của hệ thống)

+ Số lượng IPv4 public mà hệ thống đang sử dụng

+ Cấp độ hệ thống thông tin (nếu có) kèm thuyết minh đã phê duyệt

| STT | Hệ thống thông tin | Nội dung | Loại CSDL (quốc gia/chuyên ngành) | Mục đích | Tần suất cập nhật | Hệ quản trị CSDL | Hạ tầng triển khai | Đơn vị quản lý, vận hành | Đơn vị khai thác, sử dụng | Có dữ liệu GIS không | Dung lượng dữ liệu | Tăng trưởng dữ liệu hàng năm | Các yêu cầu khác |
|-----|--|--------------------------------|-----------------------------------|--|-------------------|------------------|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|---|---|--|------------------|
| 1 | Danh mục báo cáo địa chất (idm.gov.vn) | CSDL Danh mục Báo cáo địa chất | Chuyên ngành | Tra cứu thông tin các báo cáo địa chất lưu trữ | 3 tháng/lần | SQL Server 2008 | Client/Server | Trung tâm TTLT &TC Địa chất | Trung tâm TTLT &TC Địa chất | Có/Không Nếu có thì liệt kê sử dụng công nghệ GIS nào, | - Dữ liệu có cấu trúc: ... MB - Dữ liệu phi cấu trúc: ... GB | - Dữ liệu có cấu trúc: ... MB - Dữ liệu phi cấu trúc: ... | |

